

Biểu TS-04
Ban hành kèm theo TT số
04/2022/TT-BTTTT

Ngày nhận báo cáo: Trước
ngày 15 tháng tiếp theo quý

**SỐ LƯỢNG THIẾT BỊ/HỆ THỐNG THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
ĐÃ CẤP PHÉP TẦN SỐ**

Quý II/2025

Đơn vị báo cáo:
Cục TS

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, VP Bộ

TT	Tên tỉnh/thành phố	Mã đơn vị	Nghiep vu												
			Truyền hình	Phát thanh	Hàng không		Hàng hải		Vệ tinh	Di động dùng riêng	Viba	Truyền thanh không dây	Tàu cá		Khác
					Dẫn đường	Di động	Đài bờ	Số lượng hệ thống tàu biển					Đài bờ	Số lượng tàu cá	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	CẢ NƯỚC		131	852	244	540	254	6508	496	6079	11207	4230	49	17584	1685
1	Bắc Cạn		0	4	0	0	0		3	3	15	34	0		10
2	Bắc Giang		0	9	0	0	0		4	50	128	60	0		30
3	Bắc Ninh		0	8	0	0	0		0	57	62	32	0		26
4	Cao Bằng		0	17	0	0	0		3	11	9	52	0		10
5	Hà Nam		1	2	0	0	0		0	70	35	31	0		28
6	Hà Nội		39	41	22	57	0		23	418	1149	201	3		27
7	Hòa Bình		1	15	0	0	0		7	26	51	173	0		18
8	Lạng Sơn		0	15	0	0	0		0	31	59	112	0		37
9	Ninh Bình		1	9	0	0	0		1	61	49	21	0		14
10	Thái Nguyên		2	9	0	0	0		3	58	76	73	0		28
11	Vĩnh Phúc		0	12	2	0	0		5	39	49	75	0		26
12	Thành phố Hồ Chí Minh		11	23	23	94	12		10	1005	987	63	0		37
13	Bình Dương		5	10	0	0	0		16	177	400	46	0		42
14	Bình Phước		2	8	0	0	0		0	38	143	52	0		46
15	Tây Ninh		2	12	0	0	0		0	43	121	12	0		17
16	Đồng Nai		2	12	10	1	2		0	250	291	70	0		72
17	Bà Rịa - Vũng Tàu		6	13	0	0	35		77	259	142	21	1		30
18	Long An		3	17	0	0	0		0	97	182	15	0		26

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
19	Tiền Giang		2	13	0	0	4		0	59	149	44	0		30
20	Bến Tre		2	5	0	0	0		0	43	182	2	1		20
21	Đà Nẵng		4	13	16	15	12		3	235	235	14	3		30
22	Quảng Trị		0	8	0	0	3		6	37	116	93	3		27
23	Thừa Thiên Huế		0	12	8	13	4		7	109	246	83	2		46
24	Quảng Nam		1	18	6	18	1		16	140	318	110	2		38
25	Quảng Ngãi		0	16	0	0	7		7	89	142	101	5		32
26	Bình Định		1	16	0	0	7		9	71	258	102	2		35
27	Gia Lai		0	18	6	10	0		7	50	191	102	0		30
28	Kon Tum		0	9	0	0	0		3	24	74	54	0		16
29	Cần Thơ		4	20	5	12	5		1	177	121	52	0		30
30	Hậu Giang		1	9	0	0	2		0	41	63	4	0		14
31	Vĩnh Long		1	7	0	0	0		0	42	119	6	0		20
32	Trà Vinh		3	10	0	0	8		0	45	210	62	0		35
33	Đồng Tháp		4	11	0	0	1		0	62	187	60	0		15
34	Sóc Trăng		2	9	0	0	0		0	36	105	0	0		14
35	An Giang		2	11	0	0	1		0	45	174	22	0		15
36	Kiên Giang		4	18	14	29	6		0	140	274	1	0		17
37	Bạc Liêu		2	7	0	0	0		1	29	242	11	0		30
38	Cà Mau		4	12	4	21	2		5	51	90	58	0		19
39	Hải Phòng		4	11	7	17	26		10	213	274	77	1		44
40	Quảng Ninh		4	25	0	8	58		7	178	202	46	0		73
41	Hải Dương		0	11	0	0	0		0	91	88	11	0		22
42	Hưng Yên		0	12	0	0	0		0	80	47	51	0		32
43	Thái Bình		1	3	0	1	1		0	65	93	183	0		18
44	Nam Định		3	9	3	10	3		0	32	51	29	1		28
45	Hà Tĩnh		0	15	0	0	2		3	39	48	145	4		24
46	Nghệ An		0	24	12	23	5		7	125	229	223	10		30
47	Quảng Bình		0	11	7	13	4		6	63	83	51	2		34
48	Thanh Hóa		0	37	7	9	8		5	91	271	267	4		20

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
49	Bình Thuận		3	11	11	0	3		7	158	213	101	2		30
50	Đắc Lắc		1	24	8	20	0		2	29	247	111	0		17
51	Đắc Nông		0	12	0	0	0		0	23	92	40	0		28
52	Khánh Hòa		1	18	15	27	13		29	262	228	61	1		40
53	Lâm Đồng		1	14	7	13	0		2	163	145	80	0		33
54	Ninh Thuận		0	8	0	0	3		6	51	103	41	1		24
55	Phú Yên		0	14	6	11	2		6	46	99	53	2		29
56	Điện Biên		0	14	6	9	0		7	42	205	56	0		17
57	Hà Giang		0	14	0	0	0		7	21	3	18	0		12
58	Lai Châu		0	15	0	0	0		6	24	31	44	0		12
59	Lào Cai		0	10	0	0	0		5	54	28	120	0		36
60	Phú Thọ		1	9	0	0	0		5	74	82	76	0		27
61	Sơn La		0	29	0	0	0		8	44	77	51	0		12
62	Tuyên Quang		0	11	0	0	0		3	30	13	66	0		14
63	Yên Bái		0	13	0	0	0		0	33	25	105	0		28
	Lưu động				3	24	3		139						15

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2025

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU

**KIỂM TRA BIỂU
TRƯỞNG PHÒNG AN ĐỊNH VÀ
CẤP PHÉP TÀN SỐ**

CỤC TRƯỞNG

Đỗ Trung Giáp

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Lê Văn Tuấn